ĐỀ XUẤT CẤU TRÚC NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TỰ SỰ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN THEO MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY*

TÓM TẮT

Để việc dạy – học văn bản tự sự (VBTS) trong trường phổ thông hướng đến sự hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh (HS), trước tiên phải xác định được cấu trúc của năng lực đọc hiểu VBTS. Với quan niệm tiếp cận vấn đề như vậy, bài viết tập trung nhận diện năng lực đọc hiểu VBTS, phân tích cấu trúc của năng lực này và đề xuất hệ thống các yếu tố cấu thành của năng lực cùng với những chỉ số hành vi cụ thể.

Từ khóa: năng lực đọc hiểu, văn bản tự sự, Ngữ văn.

ABSTRACT

A suggestion on the structure of narrative text reading comprehension competency in a competency-based language arts and Literature curriculum

In order to teach and learn narrative texts in high schools targeting at forming and developing students' reading comprehension competency, it is necessary to define the structure of narrative text reading comprehension competency first. Therefore, this paper identifies narrative text reading comprehension competency, analyses the components of this competency and suggests a system of elements and behavioral indicators of narrative text reading comprehension competency.

Keywords: reading comprehension competency, narrative text, Language Arts and Literature.

1. Đặt vấn đề

Văn bản tự sự là một thể loại văn bản (VB) văn học xuất hiện khá phổ biến trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông. Nếu nội dung trọng tâm của việc đổi mới giáo dục phổ thông từ sau năm 2015 là hướng đến việc phát triển năng lực (NL), phẩm chất cho người học thì việc dạy học VBTS cũng phải hướng đến việc hình thành và phát triển NL đọc hiểu VBTS cho VBTS. Để đạt đến mục tiêu ấy, cần làm rõ cấu trúc NL đọc hiểuVBTS.

2. *Năng lực* và cấu trúc của *năng lực*

Khái niệm "*năng lực"* được xác định với những đặc trưng sau:

- *"NL là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân, phù hợp với yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có hiệu quả"* [1, tr.40]. Nhưng đó không phải là sự cộng gộp đơn thuần các thuộc tính mà là *"sự tương tác lẫn nhau giữa các thuộc tính làm thành một hệ thống, một cấu trúc nhất định"* [1, tr.41].

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; *Email: ngocthuy24483@yahoo.com*

- NL chỉ tồn tại trong hoạt động và được bộc lộ, thể hiện qua hoạt động.
- Thước đo để đánh giá NL của cá nhân chính là kết quả trong công việc.

Về cấu trúc NL, các tài liệu nghiên cứu thường đề cập hai cách tiếp cận:

- Cách tiếp cận cấu trúc NL theo nguồn lực hợp thành: "*phần lớn các tài liệu trong nước và nước ngoài đều hiểu NL là sự tích hợp của nhiều thành tố như tri thức, kĩ năng, niềm tin, sự sẵn sàng hoạt động...*" [2, tr.5].
- Cách tiếp cận cấu trúc NL theo các đơn vị của NL: NL được cấu thành từ những yếu tố sau: các hợp phần của NL (là các lĩnh vực chuyên môn thể hiện khả năng tiềm ẩn của con người); các thành tố của NL (là các kĩ năng cơ bản, kết hợp với nhau tạo nên mỗi hợp phần, thường được bắt đầu với động từ mô tả rõ hoạt động); tiêu chí thực hiện (là yêu cầu cần thực hiện của mỗi thành tố, được gọi là các chỉ số hành vi); và mức độ thành thạo ở mỗi yêu cầu đó được gọi là tiêu chí chất lượng).

Theo chúng tôi, việc phân chia cấu trúc NL theo các đơn vị của NL có nhiều thuận lợi hơn cho quá trình giảng dạy vì NL càng được xác định thành các dấu hiệu cụ thể thì việc đánh giá kết quả học tập và giảng dạy càng chính xác. Đồng thời cách phân giải cấu trúc NL theo các đơn vị của NL là sự bổ sung cho cách phân giải cấu trúc NL theo nguồn lực hợp thành vì đó chính là "*các điều khoản tham chiếu cho cả giáo viên và VBTS (…) giúp giáo viên nhìn thấy rõ ràng những nội dung và kĩ năng cần dạy*" [1, tr.44]. Đây cũng chính là những định hướng cần thiết để xác định các thành phần cấu tạo nên NL đọc hiểu VBTS.

3. Quan niệm về *đọc hiểu văn bản* và *năng lực đọc hiểu*

3.1. Quan niệm về đọc hiểu văn bản

Đọc hiểu VB thu hút sự tìm hiểu của nhiều nhà khoa học giáo dục lẫn nhiều nhà lí luận văn chương. Điểm gặp gỡ đầu tiên giữa các nhà nghiên cứu là họ đã xem đọc như một quá trình tương tác. Khái niệm "tương tác" ở mỗi tác giả sẽ được hiểu theo những cách khác nhau. Trước tiên đó là sự tương tác giữa VB với người đọc. Roman Ingarden (1893 – 1970) và Wolfgang Iser (1926 – 2007), hai nhà nghiên cứu tiêu biểu cho lí thuyết Hiện tượng luận, đã cho rằng "*VB văn học là một cấu trúc bao gồm những yếu tố đã bị lược hóa, ý nghĩa của nó nằm trong ý thức người tiếp nhận*" [6]. Do đó, việc cụ thể hóa cấu trúc nghĩa của VB phụ thuộc rất lớn vào khả năng của người đọc. Theo Iser, tác phẩm là nơi hội tụ giữa VB và sự cụ thể hóa, VB là sự phác thảo của người nghệ sĩ, còn sự cụ thể hóa là hành vi sáng tạo của người đọc [6]. Điều đó cho thấy người đọc giữ một vai trò rất quan trọng trong quá trình kiến tạo nghĩa cho VB.

Còn từ góc độ sư phạm, Louise Michelle Rosenblatt lại rất thận trọng khi đồng thời đề cao sự tương tác của cả VB và người đọc. Theo Rosenblatt (1978), "*mỗi hành vi đọc là một sự kiện, một sự tương tác, thương lượng giữa các yếu tố: một người đọc cụ thể và một mô hình cụ thể của những kí hiệu, một VB, và xuất*

hiện tại một thời điểm cụ thể trong một ngữ cảnh cụ thể" [9]. Vì vậy, ý nghĩa do *tôi* mang lại cho tác phẩm có thể không giống với ý nghĩa do *anh* kiến tạo dù đó là VB của cùng một tác giả.

Rand Reading Study Group (2002) lại xác định đọc hiểu là "*quá trình xảy ra đồng thời việc trích lọc và xây dựng ý nghĩa cho VB thông qua sự tương tác với VB viết. Nó bao gồm ba yếu tố: người đọc, VB và hành động đọc hoặc mục đích đọc*"[1]. Quá trình tương tác này là nền tảng đưa đến việc giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB.

Tóm lại, mặc dù khái niệm "tương tác" được hiểu theo nhiều cách khác nhau nhưng có thể nhận thấy đọc là quá trình tương tác giữa người đọc với VB. Sở dĩ một số nhà nghiên cứu đề cao vai trò của người đọc trong quá trình tạo nghĩa cho VB là vì VB, đặc biệt là VB văn chương, theo họ là một cấu trúc chứa nhiều tiềm năng, chưa hoàn tất, chỉ được cụ thể hóa và hoàn tất nhờ vào việc đọc. Probst (1987) đã nói rằng "*VB đơn giản chỉ là những vết mực trên trang giấy cho đến khi nó được một người đọc tìm đến và đọc nó"*[2]. Điều đó chứng tỏ việc tiếp nhận VB không phải là một quá trình thụ động mà là sự chủ động kiến tạo nghĩa cho VB bằng việc tương tác tích cực với VB.

Ngoài ra, đó còn là sự tương tác, thương lượng giữa người đọc với chính bản thân họ. Trong quá trình đọc, những yếu tố của VB luôn vận động khiến cho ý nghĩa VB trong đầu người đọc luôn có sự thay đổi. Langer (1995) đã dùng thuật ngữ "*envisionment"* để chỉ "*thế giới về VB mà người đọc có tại bất kì thời điểm nào khi đọc VB"*[3]. Vì là một cấu trúc chứa nhiều tiềm năng nên VB văn chương luôn mang tính "mở", do vậy ý nghĩa của VB văn chương mang tính "động" đối với người tiếp nhận. Ý nghĩa của VB liên tục thay đổi và hình thành trong quá trình đọc nên chắc chắn bản thân người đọc không chỉ phải tự đối thoại với VB/tác giả mà còn đối thoại với chính bản thân họ để lựa chọn, điều chỉnh và xác định những cách giải thích hợp lí nhất. Tương tự, Trần Đình Sử (2013) cũng khẳng định đọc là quá trình "*kiến tạo ý nghĩa, một quá trình đầy thử và sai, loại bỏ cái sai, dần dần xác lập cái đúng"* [5, tr.15]. Vì vậy, theo Trần Đình Sử, đọc văn còn là quá trình đối thoại với "tiền lí giải" của chính mình, đó chính là tri thức, cách hiểu tích lũy ban đầu của người đọc. [4]

Sự tương tác, thương lượng này không chỉ xảy ra giữa người đọc với VB/tác giả mà còn xảy ra giữa những người đọc khác nhau. Vì VB văn chương mang tính "mở" nên tạo cho người đọc nhiều cơ hội sáng tạo trong quá trình tạo nghĩa cho VB. Trong quá trình ấy, mỗi người với những kinh nghiệm, hiểu biết, quan niệm thẩm mĩ, kĩ năng đọc hiểu khác nhau có thể đem đến nhiều cách kiến giải khác nhau về VB. Điều đó tạo nên sự tương tác giữa những người đọc với nhau. Vì vậy, Trần Đình Sử (2007) đã khẳng định đọc là quá trình đối thoại với tác giả và cộng đồng để tìm nghĩa cho

VB và do vậy nó mang tính liên chủ thể, tính hợp tác. [4]

Điểm gặp nhau tiếp theo giữa các nhà nghiên cứu là trong quá trình tương tác ấy, người đọc sẽ chủ động sử dụng các thao tác nhận thức, tư duy để giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB. Các thao tác tư duy được sử dụng trong quá trình đọc hiểu rất phong phú và đa dạng. Thông điệp của VB thường được tác giả mã hóa bằng hệ thống ngôn từ và hình ảnh biểu tượng. Vì vậy, thao tác đầu tiên khi đọc VB là phải giải mã các thông tin được kí gửi qua hệ thống ngôn ngữ, hình ảnh ấy. Đó chính là thao tác "đọc giữa dòng". Theo Marcelle Holliday (2008), để giải mã được VB, người đọc phải huy động những hiểu biết của mình về thế giới, về chủ đề của VB; những kiến thức về hệ thống tín hiệu ngôn ngữ được kí mã (kiến thức về ngữ nghĩa, về ngữ pháp, về mối quan hệ giữa âm thanh và kí tự, về cách kiến tạo biểu tượng, hình ảnh)[4]. Tuy nhiên, giải mã chỉ là bước đầu khi tiếp cận VB vì ý nghĩa của VB không chỉ dựa trên bản thân của VB mà còn phụ thuộc vào sự cảm nhận của từng cá nhân đối với VB. Vì vậy, người đọc trong quá trình tiếp nhận VB còn được xem là người đồng sáng tạo với tác giả khi cùng tham gia kiến tạo nghĩa cho VB. Bàn về vấn đề này, Smith (2004) đã cho rằng "*đọc (reading) là giải thích, hiểu (interpretation) và được dùng để chỉ tất cả những hành động của chúng ta nhằm để hiểu, kiến tạo nghĩa cho những gì chúng ta thấy, những gì diễn ra xung quanh chúng ta*" [11, tr.13]. Trần Đình Sử (2007) cũng định nghĩa về hoạt động đọc theo trình tự như sau: "*Đọc là hoạt động tâm lí nhằm giải mã VB. Một là chuyển VB kí hiệu văn tự thành VB bằng ngôn ngữ tương ứng với VB chữ viết. Hai là giải mã VB để tìm ý nghĩa*" [4]. Tuy nhiên sự đồng sáng tạo ấy không có nghĩa là có thể hiểu VB văn chương một cách tùy tiện mà vẫn phải căn cứ vào VB. Nếu như việc tiếp nhận VB văn chương không có khái niệm hiểu hết, hiểu chính xác thì việc đọc VB thông tin lại đòi hỏi hiểu hết, hiểu chính xác vì VB thông tin thường đơn nghĩa. Tuy nhiên kiến thức nền của mỗi người khác nhau nên mức độ hiểu của mỗi cá nhân sẽ khác nhau.

Bên cạnh các thao tác được sử dụng để *giải mã* VB thì người đọc còn phải sử dụng thêm các thao tác nhận thức, tư duy khác để *kiến tạo nghĩa* cho VB. Cụ thể là các thao tác tư duy như nhận biết, thấu hiểu, giải thích, phân tích, suy luận, kết nối, dự đoán, so sánh, tổng hợp, đánh giá… Những thao tác tư duy này cũng đã được nhắc đến trong quan niệm của Iser về việc đọc[5]. Theo Iser, trong quá trình đọc, người đọc phải sử dụng các thao tác tư duy khác nhau như suy luận, dự đoán, kết nối, hình dung, tưởng tượng… Trong danh mục các thao tác mà người đọc thường sử dụng do Pearson và các cộng sự (1990) liệt kê, có rất nhiều thao tác thuộc về tư duy, chẳng hạn như: liên hệ, kết nối giữa những điều đã biết với thông tin mới của VB; kiểm soát sự tương thích của các mô hình ý nghĩa của VB mà họ đã xây dựng; điều chỉnh những cách hiểu sai; phân biệt thông tin quan trọng và

không quan trọng trong VB; tổng hợp thông tin trong VB và hiểu biết/kinh nghiệm đọc của chính người đọc; suy luận để hiểu đầy đủ, thống nhất về những gì đã đọc; tự đặt câu hỏi cho bản thân, cho tác giả, cho VB[6].

Điểm gặp gỡ thứ ba trong quan niệm của các nhà nghiên cứu về đọc hiểu là sự khẳng định vai trò tham gia tích cực của kiến thức nền vào quá trình giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB. Với Pardo (2004), *"khái niệm "hiểu" thường được định nghĩa theo một cách phổ biến là một quá trình mà người đọc kiến tạo ý nghĩa bằng cách tiếp xúc với VB thông qua sự kết hợp giữa các yếu tố như kiến thức nền, kinh nghiệm trước đó, thông tin trong VB và vị thế, lập trường, quan điểm của người đọc trong mối quan hệ với VB*" [8]. Langer (1995) cũng nhấn mạnh mỗi người đọc với những kiến thức nền khác nhau sẽ đem đến những hình dung, tưởng tượng khác nhau về cùng một VB. Do đó, kiến thức nền của người đọc càng kết nối với VB được đọc thì người đọc càng có khả năng ý thức về những gì sẽ được đọc (Butcher & Kintsch, 2003; Schallert & Martin, 2003) (dẫn theo [8]).

Ngoài ra, các nhà nghiên cứu cũng đã thống nhất khi cho rằng quá trình "đọc" không chỉ dừng lại ở việc giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB mà còn là *"sự đáp ứng lại với những thông điệp của VB theo những cách khác nhau"*[7]. Chương trình PISA (2012) đã xác định *"đọc hiểu là sự hiểu biết, sử dụng và phản hồi lại trước một VB viết nhằm đạt được mục đích phát triển tri thức và tiềm năng"* [12]. Quá trình phản hồi với VB ở người đọc có thể diễn ra với nhiều hình thức khác nhau. Đó có thể là sự phản hồi, đánh giá các giá trị, thông điệp của VB qua việc liên kết, đối chiếu, so sánh với những những mối liên hệ ngoài VB hay kinh nghiệm của bản thân; rút ra những bài học/kinh nghiệm cho bản thân; tự nhận thức về bản thân; vận dụng những điều đọc được từ VB vào giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống của bản thân... Do đó, có thể thấy quá trình tương tác giữa người đọc với VB trong đọc hiểu là quá trình tương tác hai chiều.

Ngoài ra, quá trình đọc theo một số nhà nghiên cứu còn bị ảnh hưởng bởi hứng thú và động cơ của hoạt động đọc. Smith (2004) đã khẳng định ý nghĩa của VB không có sẵn để người đọc tiếp nhận mà phụ thuộc vào kiến thức nền và động lực, mục đích của họ trong khi đọc. Theo Pardo (2004), *"những người đọc có nhiều động lực hơn có thể dễ dàng áp dụng nhiều chiến lược đọc hiểu hơn và làm việc chăm chỉ hơn, tích cực hơn trong quá trình kiến tạo nghĩa cho VB. Những người đọc ít động lực hơn thì khó có thể làm việc chăm chỉ và ý nghĩa mà họ mang lại cho VB cũng không mạnh mẽ bằng khi họ có nhiều động lực"* [8].

Qua việc phân tích những điểm gặp gỡ và khác biệt giữa các quan niệm khác nhau về đọc hiểu, chúng tôi nhận thấy hầu hết các nhà nghiên cứu đều quan niệm đọc là một quá trình tương tác, trên cơ sở huy động vốn kiến thức nền, người đọc sẽ sử dụng các thao tác nhận thức và tư duy để giải mã và kiến tạo nghĩa cho

VB. Đồng thời qua quá trình này, người đọc cũng có những phản hồi với VB. Tuy nhiên quá trình đọc chỉ thực sự có hiệu quả khi người đọc có hứng thú, có động lực đối với việc đọc.

3.2. Quan niệm về năng lực đọc hiểu

Theo UNESCO, *"đọc hiểu là khả năng nhận biết, thấu hiểu, giải thích, sáng tạo, trao đổi, tính toán và sử dụng tài liệu viết hoặc in kết hợp với những bối cảnh khác nhau; nó đòi hỏi sự học hỏi liên tục, cho phép một cá nhân đạt được mục đích của mình, phát triển kiến thức, tiềm năng và tham gia đầy đủ trong xã hội rộng lớn"*[8].

PISA (2012) định nghĩa NL đọc (reading literacy) *"là sự hiểu biết, sử dụng, phản hồi và chú ý đến một VB viết để đạt được mục đích của cá nhân, phát triển vốn kiến thức và tiềm năng của mình, và tham gia vào một xã hội. (...) Đọc bao gồm một phạm vi rộng các NL nhận thức, từ NL cơ bản là giải mã thông tin, đến những kiến thức về từ vựng; ngữ pháp; đặc điểm, cấu trúc liên quan đến VB và ngôn ngữ; hiểu biết về thế giới"* [12]. PISA (2009) khi định nghĩa về NL đọc còn đề cập một yếu tố nữa, đó chính là NL siêu nhận thức (metacognitive competencies)[9].

Nguyễn Thị Hạnh (2014) cho rằng NL đọc hiểu *"bao gồm những yếu tố cấu thành sau: tri thức về VB, về chiến lược đọc hiểu; kĩ năng thực hiện các hành động, thao tác đọc hiểu; sự sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ học tập, các nhiệm vụ trong đời sống cần đến đọc hiểu"* [3].

Nguyễn Thị Hồng Vân (2015) đề xuất khái niệm NL đọc hiểu như sau *"Đọc hiểu là toàn bộ quá trình: tiếp xúc trực tiếp (gồm quá trình cảm thụ kí hiệu vật chất và nhận ra ý nghĩa của những kí hiệu đó) với VB; nhận thức, tư duy (tiếp nhận và phân tích lí giải ý nghĩa của VB, phát hiện ra ý nghĩa không có sẵn giữa các dòng văn, đọc những biểu tượng, ẩn ý của VB và diễn đạt lại bằng lời của người đọc, kiến tạo ý nghĩa với VB); phản hồi, sử dụng với VB (sự thay đổi nhận thức, tư tưởng, tình cảm của người đọc, tìm ra ý nghĩa lịch sử, giá trị của VB)"* [7, tr.19].

Qua việc phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa các quan niệm về NL đọc hiểu, chúng tôi nhận thấy NL đọc hiểu là NL giải mã VB, hiểu nghĩa của VB, kiểm soát quá trình hiểu, phản hồi lại với VB, sử dụng VB để giải quyết những vấn đề của cá nhân và cuộc sống trên cơ sở sử dụng, huy động kiến thức nền của bản thân và các thao tác đọc hiểu nhằm đạt đến những mục tiêu cụ thể.

4. Cấu trúc năng lực đọc hiểu văn bản tự sự

NL đọc hiểu VBTS cũng chính là NL đọc hiểu VB nói chung nhưng hiểu biết về đặc trưng thể loại được cụ thể hóa thành những kiến thức về loại VBTS. Như ở trên đã trình bày, tiêu chí để đánh giá NL chính là các khả năng cụ thể vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng và thái độ để thực hiện tốt các nhiệm vụ trong học tập và cuộc sống. Các khả năng cụ thể này được định danh thành các NL bộ phận. Sự thể hiện của các NL bộ phận

được đánh giá dựa vào những chỉ số hành vi biểu hiện cụ thể của từng NL. Đó là các chỉ số để đo lường, kiểm soát, đánh giá kết quả đạt được của một chương trình theo định hướng phát triển NL. Chính các NL bộ phận và các chỉ số biểu hiện cụ thể này sẽ giúp xác định các yếu tố đầu vào cần thiết để hình thành nên các NL bộ phận và các chỉ số hành vi. Việc xác định cấu trúc NL đọc hiểu VBTS được thực hiện trên cơ sở ấy.

Thành tố năng lực	***Các chỉ số hành vi***
Khơi gợi, kích hoạt kiến thức nền	- Huy động được kiến thức nền về VBTS - Huy động được những kiến thức về ngôn ngữ tạo lập VB - Huy động và lựa chọn được kiến thức nền, kinh nghiệm/trải nghiệm của bản thân liên quan đến lĩnh vực nội dung của VB - Tạo ra được kết nối thông tin trên cơ sở kích hoạt kiến thức nền
Giải mã tín hiệu ngôn ngữ	- Cấp độ ngữ âm: đọc VB thành tiếng trôi chảy, lưu loát; ngắt chữ, phân câu hợp lí; xác định giọng đọc phù hợp với nội dung cảm xúc của nhân vật, diễn biến sự việc; phân biệt được giọng kể và giọng của các nhân vật - Cấp độ từ vựng: hiểu được ý nghĩa của các từ ngữ và hình ảnh; nhận diện và phân tích được nội dung ý nghĩa, hiệu quả biểu đạt của các biện pháp tu từ từ vựng ngữ nghĩa; phân tích được hiệu quả của việc sử dụng một số từ ngữ cụ thể để tạo nên ấn tượng về ý nghĩa, giọng điệu, phong cách… của VB - Cấp độ ngữ pháp: hiểu nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn của các câu trong VB; nhận diện và phân tích được nội dung ý nghĩa, hiệu quả biểu đạt của các biện pháp tu từ cú pháp; khảo sát và phân tích được việc các tác giả đã sử dụng đa dạng các loại cấu trúc ngữ pháp; giải thích được việc tác giả sử dụng sáng tạo các cấu trúc ngữ pháp - Hiểu và phân biệt được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của VB
Hiểu cấu trúc của VBTS	- Hiểu được các thể loại VBTS có những đặc điểm cấu trúc cụ thể phù hợp với cách tiếp cận chủ đề, mục đích của VB và đối tượng tiếp nhận - Nhận diện được các đoạn, phần của VB - Xác định được những yếu tố làm nên cấu trúc của VBTS[10] - Sơ đồ hóa được cấu trúc của VBTS theo mô hình sơ đồ truyện - Nhận biết, xác định được những kiểu cấu trúc bất thường của VB - Phân tích được nguyên nhân, hiệu quả, ý nghĩa của việc tác giả lựa chọn các cách thức tổ chức, cấu trúc VB để đạt được những mục đích cụ thể, đặc biệt là đối với những VB có kiểu cấu trúc bất thường - Đánh giá được giá trị biểu đạt nội dung, ý nghĩa của cấu trúc VB - So sánh, đối chiếu những điểm giống và khác nhau về cấu trúc giữa hai hay nhiều VB; phân tích được những kiểu cấu trúc khác nhau tạo nên ý nghĩa và phong cách của từng VB
Nắm bắt	- Hiểu được ý nghĩa của việc xác định chi tiết quan trọng, ý chính

các chi tiết và ý chính trong VB	- Nắm bắt được những chi tiết liên quan đến các yếu tố của VBTS: miêu tả cụ thể những chi tiết về nhân vật, bối cảnh, các sự kiện, các đoạn/phần/hồi/chương; phân tích, giải thích được sự tương tác/ảnh hưởng qua lại giữa các yếu tố; phân tích, đánh giá được sự tác động của tác giả đối với việc tạo ra sự phát triển và sự liên quan của các yếu tố - Nắm bắt được những chi tiết thể hiện quan điểm, tư tưởng của tác giả/người kể chuyện: xác định được ngôi kể; nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ kể; phân biệt được ngôn ngữ, giọng điệu, quan điểm của tác giả/người kể chuyện với ngôn ngữ, giọng điệu, quan điểm của nhân vật; hiểu và phân tích được quan điểm, tư tưởng của tác giả/người kể chuyện, giải thích được sự phát triển của quan điểm, tư tưởng ấy trong suốt VB; hiểu và phân tích được những trường hợp muốn nắm bắt quan điểm, tư tưởng của tác giả phải phân biệt được nội dung hiển ngôn và hàm ngôn của VB - Nắm bắt được ý chính của đoạn và VB - Trích dẫn được những chi tiết cụ thể củng cố cho việc phân tích VB - Hiểu và giải thích được ý nghĩa của ý chính, chi tiết quan trọng - Phân tích sự phát triển của từng ý chính qua suốt chiều dài VB; phân tích được sự tương tác giữa các ý chính với nhau - Rút ra được thông tin mới từ ý chính, chi tiết quan trọng - Xác định được những chi tiết, ý, quan điểm cần tranh luận/bình luận - So sánh, đối chiếu những ý chính, chi tiết quan trọng, chủ đề giống nhau trong nhiều VB khác nhau - Nêu được mục đích và chủ đề của VB
Tóm tắt	- Hiểu được bản chất, ý nghĩa của việc tóm tắt và quy trình tóm tắt - Xác định các yếu tố của cấu trúc truyện - Phân biệt được ý/chi tiết quan trọng với ý/chi tiết không quan trọng - Sắp xếp các sự kiện, chi tiết theo trật tự thời gian - Tạo lập VB tóm tắt hoàn chỉnh, đảm bảo được nội dung của VB gốc - Đánh giá được VB tóm tắt của những người đọc khác
Tổng hợp	- Hiểu được bản chất, ý nghĩa của việc tổng hợp thông tin - Xác định được những thông tin quan trọng, cốt lõi về các yếu tố của VBTS, hoặc nội dung của toàn bộ VBTS - Kết nối được nhiều thông tin quan trọng, cốt lõi với nhau và với kinh nghiệm/trải nghiệm của bản thân để suy luận, đánh giá, kết luận về nội dung ý nghĩa của VB trên cấp độ khái quát, tổng thể - Đánh giá được kết quả tổng hợp của những người đọc khác
Dự đoán	- Hiểu được bản chất, cách thức và ý nghĩa của việc dự đoán thông tin - Dự đoán về những nội dung/ý tưởng của VBTS: + Trước khi đọc VB: biết sử dụng một số đặc điểm hình thức của VB để dự đoán về nội dung của VB; giải thích được cơ sở để tạo ra dự đoán + Trong khi đọc VB: xác định được những vị trí trong VB có thể tạo ra dự đoán; dự đoán được những sự việc sẽ xảy ra; giải thích được cơ sở để tạo nên dự đoán; kiểm tra, đánh giá dự đoán; nhận biết những khúc ngoặt/ngã rẽ/sự kiện bất ngờ trong VB để thay đổi/điều chỉnh dự đoán; trao đổi, chia sẻ với dự đoán của người đọc

	khác để khơi gợi, hỗ trợ việc đưa ra những dự đoán mới về nội dung/ý tưởng của VB - Dự đoán về những yếu tố của VBTS: xác định được những vị trí trong VB có thể tạo ra dự đoán; tạo ra những dự đoán về một số yếu tố của VBTS; giải thích được cơ sở để tạo nên dự đoán; kiểm tra, đánh giá dự đoán; thay đổi/điều chỉnh dự đoán khi đọc những thông tin mới; trao đổi, chia sẻ với dự đoán của người đọc khác để khơi gợi, hỗ trợ việc đưa ra những dự đoán mới về nội dung/ý tưởng của VB - Dự đoán được ý định/mục đích của tác giả: dự đoán được ý định/mục đích của tác giả; thảo luận về ý định/mục đích của tác giả với những người cùng đọc; kiểm tra, đánh giá dự đoán; thay đổi/điều chỉnh dự đoán; hỏi người đọc khác về ý định của tác giả để khơi gợi, hỗ trợ việc đưa ra những dự đoán về ý định/mục đích của tác giả
Suy luận	- Hiểu được bản chất, cơ chế tạo ra suy luận, các loại suy luận và ý nghĩa của suy luận - Nhận diện được các manh mối của VB cho phép tạo ra các suy luận - Rút ra được những kết luận từ những thông tin đọc được - Kết nối được các thông tin trong VB với nhau, kết nối được các thông tin trong VB với kiến thức nền của bản thân để tạo ra các suy luận về những nội dung, ý nghĩa cơ bản của VB - Trích dẫn được bằng chứng cụ thể từ VB để củng cố cho suy luận - Đánh giá được tính hợp lí của các suy luận trên cơ sở phân tích dữ liệu tạo nên suy luận
Liên hệ	- Hiểu được bản chất, ý nghĩa của việc liên hệ - Xác định được những thông tin của VB cho phép tạo ra những liên hệ - Liên hệ được giữa VB với hiểu biết/trải nghiệm của bản thân: kiểm chứng và đối chiếu được những thông tin trong VB với hiểu biết/trải nghiệm của bản thân; lựa chọn, sử dụng được hiểu biết/trải nghiệm của bản thân để giải mã và tạo nghĩa cho VB; hiểu được cảm xúc/suy nghĩ/quan điểm/động cơ hành động của tác giả và nhân vật trong VB trên cơ sở liên hệ với hiểu biết/trải nghiệm của bản thân; rút ra và giải thích được những thông tin có ích cho bản thân - Liên hệ được giữa VB này với VB khác: xác định, miêu tả được sự giống và khác nhau giữa các VB; phân tích và giải thích được sự giống, khác nhau giữa các VB ấy; đánh giá được ý nghĩa của sự giống, khác nhau giữa các VB ấy; rút ra được nét đặc sắc, độc đáo của từng VB, làm nên đặc trưng phong cách riêng cho từng tác giả - Liên hệ được giữa VB với thế giới xung quanh: xác định những khía cạnh của VB chuyển tải những thông tin về một bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội cụ thể; phân tích được sự thể hiện của thế giới xung quanh trong VB; đánh giá được mức độ thể hiện các vấn đề của thế giới xung quanh trong VB - Hiểu được những liên hệ ấy hỗ trợ cho việc tạo nghĩa cho VB - Đánh giá được kết quả liên hệ của những người đọc khác
Hình dung, tưởng tượng	- Hiểu được bản chất, ý nghĩa của việc hình dung, tưởng tượng - Xác định được những từ ngữ, hình ảnh cho phép tạo nên sự hình dung, tưởng tượng - Biết cách kết nối hiểu biết/trải nghiệm của bản thân với những từ ngữ, hình ảnh cụ thể của VB để tạo ra những hình dung, tưởng tượng về VB - Miêu tả được chi tiết những gì người đọc "nhìn thấy"/cảm nhận - Liên tục điều chỉnh những hình ảnh tưởng tượng để nối kết với những thông tin mới

	của VB, giải mã và tạo nghĩa cho VB
Đặt câu hỏi	- Hiểu được bản chất, ý nghĩa của việc đặt câu hỏi - Xác định được những nội dung thông tin của VB có thể đặt câu hỏi - Đặt được những câu hỏi thuộc 3 nhóm câu hỏi (câu hỏi về thông tin hiển ngôn trong VB, câu hỏi suy luận, câu hỏi đánh giá) trong quá trình đọc - Xác định được cơ sở thông tin, dữ liệu để trả lời những câu hỏi ấy - Phân tích được tính phù hợp/không phù hợp, hay/chưa hay của câu hỏi - Xem xét, điều chỉnh lại câu hỏi cho phù hợp - Đánh giá được câu hỏi của người đọc khác trong nhóm, trong lớp
Phản hồi và đánh giá	- Hiểu được bản chất, ý nghĩa của việc phản hồi và đánh giá - Đưa ra được những nhận xét, đánh giá của bản thân về: một yếu tố, khía cạnh, phương diện, vấn đề cụ thể của VB; giá trị, ý nghĩa tư tưởng, sự thành công, sự đóng góp cũng như những hạn chế, thiếu sót của VB; giá trị thực tiễn, mức độ phù hợp của các vấn đề mà VB đã gợi lên với các bối cảnh khác nhau và với các đối tượng độc giả khác nhau - Phê phán, đánh giá VB trong mối liên hệ giữa VB với hiện thực đời sống; với các VB cùng tác giả, đề tài, chủ đề; với những trải nghiệm và cuộc sống của độc giả trong ngữ cảnh đọc cụ thể - Tổ chức lập luận để bảo vệ quan điểm của mình - Rút ra được bài học cho bản thân và thông điệp của tác giả - Phản hồi, đánh giá đối với nhận xét, ý kiến của những người đọc khác
Vận dụng	- Hiểu được bản chất, ý nghĩa của việc vận dụng - Vận dụng được thông tin của VB vào việc giải quyết những vấn đề của cá nhân và cuộc sống; giải thích được cơ sở của sự vận dụng - Vận dụng được các thao tác, kĩ năng đọc hiểu VBTS để đọc hiểu những VB khác nhau có cùng đặc trưng thể loại - Rút ra được ý nghĩa tư tưởng, giá trị sống của cá nhân từ VB
Kiểm soát quá trình hiểu	- Hiểu được bản chất, ý nghĩa của việc kiểm soát quá trình hiểu - Tự đặt, trả lời được những câu hỏi kiểm soát quá trình hiểu của bản thân - Tự nhận thức, đánh giá được sự phù hợp của tốc độ đọc đối với khả năng hiểu của bản thân, và tự điều chỉnh được tốc độ đọc thích hợp - Tự nhận thức, đánh giá được những sự kiện xảy ra trước hoặc sau thông tin đang tiếp nhận - Tự nhận thức, đánh giá được hoạt động hiểu của bản thân ở cấp độ từ, câu, đoạn, phần và toàn VB: nhận ra những vấn đề xuất hiện trong quá trình đọc; dừng đọc tại những vị trí chưa hiểu trong VB - Tự lựa chọn, áp dụng các chiến lược đọc thích hợp để sửa chữa, điều chỉnh những "thất bại" trong quá trình hiểu - Xác định được mục đích đọc - Kích hoạt được kiến thức nền hợp lí và kết nối với thông tin trong VB - Duy trì được hứng thú trong khi đọc VB

Xác định mục đích đọc	- Hiểu được vai trò, ý nghĩa của mục đích trong đọc hiểu - Xác định và trình bày được mục đích đọc cụ thể của bản thân - Giải thích được lí do của việc lựa chọn, xác định những thông tin cụ thể - Kiểm tra, đánh giá được kết quả đọc đã đạt được mục đích đề ra chưa - Lựa chọn được chiến lược đọc thích hợp để đạt được mục đích đã đề ra
Hình thành động cơ, hứng thú với việc đọc	- Hiểu được vai trò, ý nghĩa của động cơ, hứng thú trong đọc hiểu - Có sự thích thú, hào hứng với việc đọc: thích đọc, háo hức đọc; muốn đọc nhanh để biết phần kết; khao khát đọc dù VB đã kết thúc; tập trung cao độ vào việc đọc; khuyến khích, thuyết phục người khác cùng đọc; thuyết minh, trao đổi một cách nhiệt tình, say mê, hào hứng về VB… - Có sự tự tin về khả năng đọc VB của bản thân - Có sự tự nguyện khi đọc; không đọc vì sự cưỡng ép từ bên ngoài: kiên trì đọc; ước tính được những giá trị mang tính ứng dụng của việc đọc; ước tính được những giá trị làm nên màu sắc cá nhân của việc đọc; ước tính được những tri thức thu nhặt được từ việc đọc…

5. Kết luận

Với việc đề xuất cấu trúc năng lực đọc hiểu VBTS, chúng tôi mong rằng sẽ giúp các nhà biên soạn chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn và giáo viên xác định được những nội dung kiến thức, kĩ năng, thái độ cần thiết để hình thành và rèn luyện năng lực đọc hiểu cho VBTS, lựa chọn được phương pháp dạy học thích hợp và thiết kế các công cụ đo lường, đánh giá năng lực. Về phía người học, việc xác định rõ cấu trúc năng lực đọc hiểu VBTS cũng góp phần giúp họ định hướng kế hoạch học tập và những nội dung cần rèn luyện cũng như tự đánh giá được năng lực đọc hiểu của bản thân. Đó chính là những điều kiện cần thiết để đạt đến mục tiêu của chương trình Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực sau năm 2015.

---

[1] Theo Rand Reading Study Group (2002), *Reading for understanding: Toward an R & D program in reading comprehension*, Santa Monica, CA: RAND Corporation. (available online at *www.rand.org/publications/MR/MR1465/)*

[2] Theo Probst, R. (1987), *Transactional Theory in the Teaching of Literature*, Truy xuất từ *http://www.ericdigests.org/pre-926/theory.htm*, ngày 29/04/2016.

[3] Langer lí giải rằng những sự kiện, tình tiết trong VB luôn vận động, phát triển nên làm nảy sinh ở người đọc những suy nghĩ mới, giả thuyết mới; đồng thời người đọc trong quá trình đọc sẽ sử dụng hiểu biết, kinh nghiệm, NL liên tưởng, tưởng tượng để xây dựng những giả định về VB. Những hiểu biết, kinh nghiệm ấy luôn vận động, thay đổi theo thời gian. Vì vậy mà ý nghĩa của VB trong sự nhận thức của người đọc cũng vận động, thay đổi (Langer, J.A. (1995), *Envisioning Literature – Literary Understanding and Literature Instruction*, Teachers College, Collumbia Universtity).

[4] Theo Holliday, M. (2008), *Strategies for Reading Process*, Primary English Teaching Association.

[5] Iser cho rằng quá trình đọc có hai bình diện: bình diện thời gian và bình diện cấu trúc. Về bình diện thời gian, "*Iser cho rằng sự tương tác giữa VB và người đọc thể hiện qua "điểm nhìn lưu chuyển" (...) Khi ta đọc những câu văn, việc đọc có hai mặt: chờ đợi diễn biến tiếp theo của câu, đồng thời đặt cơ sở trên những câu và những sự cụ thể hóa trước đó"* [6, tr.3]. Vì vậy "*qua việc thiết lập những mối quan hệ tương tác giữa quá*

khứ, hiện tại và tương lai, người đọc thực sự làm cho VB biểu lộ tính phức tạp tiềm tàng của những kết nối" [6, tr.3]. Còn về bình diện cấu trúc của quá trình đọc, khi gặp những khoảng trống trong VB, theo Iser người đọc luôn cố gắng nối kết hợp lí các hình ảnh với nhau để tạo nên một hình thái thống nhất, trên cơ sở đó lí giải ý nghĩa của VB. Iser gọi kết quả của quá trình tìm kiếm này là các ảo tượng.

[6] Theo Ruddell, M. R. (1999), *Teaching Content Reading and Writing*, The United States of America: John Wiley & Sons, Inc, tr.39-40.

[7] Theo Bayetto, A. E. (2014), *Comprehension*, Truy xuất từ *http://www.appa.asn.au/wp-content/uploads/2015/08/Comprehension-article.pdf*, ngày 30/03/2016.

[8] Theo Đỗ Ngọc Thống (2012), *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[9] NL siêu nhận thức là "*sự nhận thức và khả năng sử dụng đa dạng các chiến lược thích hợp khi tiếp cận VB. NL siêu nhận thức được kích hoạt khi người đọc suy ngẫm, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động đọc của họ sao cho phù hợp với một mục tiêu cụ thể"* [12].

[10] Các yếu tố làm nên cấu trúc của VBTS: hệ thống nhân vật; bối cảnh; đề tài, chủ đề; vấn đề/mâu thuẫn cần phải được giải quyết; các tình tiết, sự kiện xảy ra và sự phát triển của mâu thuẫn; cao trào/nút thắt/đỉnh điểm; chuỗi hệ quả của các sự kiện; kết thúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu hội thảo Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, TPHCM.
2. Hoàng Hòa Bình (2015), "Năng lực và cấu trúc của năng lực", *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số (117), tr.4-7.
3. Nguyễn Thị Hạnh (2014), "Xây dựng chuẩn năng lực đọc hiểu cho môn Ngữ văn của chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 ở Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, số 56 (90), tr.88-97.
4. Trần Đình Sử (2007), *Từ giảng văn qua phân tích tác phẩm đến dạy học đọc hiểu văn bản văn học*, Truy xuất từ *https://trandinhsu.wordpress.com/2013/09/03/tu-giang-van-qua-phan-tich-den-doc-hieu*, ngày 02/05/2016.
5. Trần Đình Sử (2013), *Đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn*, Truy xuất từ *https://trandinhsu.wordpress.com/2013/09/09/van-de-doi-moi-phuong-phap-day-hoc-ngu-van/*, ngày 02/05/2016.
6. Hoàng Phong Tuấn (2012), *Một số điểm chính trong lí thuyết tiếp nhận của Wolfgang Iser*, Truy xuất từ *http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=3982%3Amt-s-im-chinh-trong-ly-thuyt-tip-nhn-ca-wolfgang-iser&catid=94%3Aly-lun-va-phe-binh-vn-hc&Itemid=135&lang=vi*, ngày 02/05/2016.
7. Nguyễn Thị Hồng Vân (2015), "Đề xuất cấu trúc và chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu trong chương trình giáo dục phổ thông mới", *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số (114), tr.19-20,61.

8. Pardo, L. S. (2004), What every teacher needs to know about comprehension, *International Reading Association* (pp. 272-280), doi:10.1598/RT.58.3.5
9. Rosenblatt, L. M. (1978), *The Reader, The Text, The Poem: The Transactional Theory of The Literary Work*, Carbondale: Southern Illinois University.
10. Rosenblatt, L. M. (1995), *Literature as exploration* (5th ed), New York: Modern Language Association.
11. Smith, F. (2004), *Understanding reading*, Lawrence Erlbaum Associates, Inc., Publishers.
12. *https://www.oecd.org/pisa/*.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-7-2016; ngày phản biện đánh giá: 30-7-2016; ngày chấp nhận đăng: 16-10-2016)